

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2017/DS-PT
Ngày: 14/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai; bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017, về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2016/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thành T, sinh năm 1982; cư trú tại: Số T1, tổ T2, ấp T3, xã T4, huyện T5, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Ngô Thanh R, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ R1, ấp R2, xã R3, huyện R4, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lữ Thị Hồng L, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp T3, xã T4, huyện T5, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - Anh Phan Thành T trình bày:

Anh và anh Ngô Thanh R có quan hệ quen biết, anh R vay của anh số tiền 7.500.000 đồng để đầu tư trồng bắp, cụ thể là: ngày 20-3-2011 âm lịch, vay 2.500.000 đồng; ngày 01-4-2011 âm lịch vay 5.000.000 đồng, không ghi giấy nợ,

thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận thời hạn trả là khi thu hoạch bắp (15 ngày sau khi vay). Khi thu hoạch bắp anh R không trả, sau đó phạm tội và phải đi chấp hành án phạt tù nên anh không liên lạc được.

Sau khi anh R ra tù, anh đòi nợ thì vào ngày 15-3-2016, anh R trả được 1.000.000 đồng tiền lãi, sau đó không trả nữa nên anh kiện đòi. Anh R cho rằng 1.000.000 đồng đã trả là nợ gốc vì vay không có lãi, anh cũng chấp nhận trừ vào nợ gốc nên yêu cầu anh R trả 6.500.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi như sau: Tiền lãi của 7.500.000 đồng, theo lãi suất 13,5%/năm tính từ ngày vay là ngày 15-4-2011 âm lịch đến ngày trả 1.000.000 đồng là 15-3-2016 âm lịch và tiền lãi của số tiền 6.500.000 đồng tính từ ngày 15-3-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Anh R và vợ là Lữ Thị Hồng L đã ly hôn, tiền là do anh R vay nên không yêu cầu chị L liên đới trả.

Bị đơn - anh Ngô Thanh R trình bày:

Anh thừa nhận có vay của anh T 7.500.000 đồng từ năm 2011, không ghi giấy nợ, không tính lãi, hẹn thu hoạch bắp sẽ trả, sau khi thu hoạch bắp anh có giao cho vợ là Lữ Thị Hồng L 5.000.000 đồng để trả cho anh T nhưng chị L không trả, vào ngày 15-3-2016 anh đã trả được 1.000.000 đồng, anh chấp nhận trả cho anh T số nợ còn lại là 6.500.000 đồng nhưng không chấp nhận trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

Vay tiền của anh T khi anh và chị L còn sống chung, vợ chồng cùng trồng bắp, là nợ chung nên yêu cầu chị L cùng liên đới trả, do vợ chồng đã ly thân nên yêu cầu chia đôi, anh và chị L mỗi người trả cho anh T 3.250.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Lữ Thị Hồng L trình bày:

Chị chấp nhận trả cho anh T 3.250.000 đồng tiền vay như anh R đã yêu cầu nhưng không chấp nhận trả lãi vì chị không có khả năng.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Phan Thành T đối với anh Ngô Thanh R và chị Lữ Thị Hồng L. Buộc anh R, chị L trả cho anh T số tiền vay 6.500.000 đồng và 6.019.000 đồng tiền lãi.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh T đối anh R về số tiền vay 1.000.000 đồng.

Anh R, chị L phải chịu 625.950 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ngày 27-7-2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị, theo Quyết định kháng nghị số: 11/2017/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tính lại tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định vì giữa anh T và anh R có tranh chấp về lãi suất, thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị về lãi suất, sửa chữa, bổ sung kháng nghị về điều luật áp dụng, đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 vì hợp đồng vay giữa anh T và anh R là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm, tính lại tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, thấy rằng:

[1] Về xác định loại hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay tài sản giữa anh T và anh R là hợp đồng vay có thời hạn, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vay là khi thu hoạch bắp (15 ngày sau khi vay). Vì vậy, ngày anh R chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là ngày 15-4-2011 (âm lịch).

- Anh R khai vay không có lãi suất, anh T khai lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng nhưng anh T không có chứng cứ chứng minh, anh R và chị L không thừa nhận nên bản án sơ thẩm xác định hợp đồng vay không có lãi là có căn cứ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị cho rằng hợp đồng vay giữa anh T, anh R là hợp đồng vay có tranh chấp về lãi suất là chưa đúng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm vị đại diện Viện kiểm sát đã sửa chữa, bổ sung kháng nghị, xác định loại hợp đồng vay không có lãi là có căn cứ.

[2] Về tiền lãi:

- Khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả, theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ”. Đối chiếu với quy định này thì tiền lãi anh R phải trả được tính theo mức suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tại thời điểm trả nợ là 0,75%/tháng. Bản án sơ thẩm xác định vay không có lãi nhưng tính theo lãi suất 1,125%/tháng là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Viện kiểm sát kháng nghị, đề nghị tính theo mức lãi suất 0,75%/tháng là có căn cứ.

- Ngày vay là ngày âm lịch nhưng khi tính lãi Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển sang ngày dương lịch nên việc tính tiền lãi không chính xác cần phải tính lại.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm, tính lại tiền lãi phải trả như sau:

+ Tiền lãi của số tiền vay 7.500.000 đồng, từ ngày chậm trả (ngày 15-4-2011 âm lịch) đến ngày trả 1.000.000 đồng (ngày 15-3-2016 âm lịch) là 59 tháng 04 ngày, tiền lãi là: $7.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 59 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 3.326.500 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi của số tiền vay 6.500.000 đồng từ ngày trả 1.000.000 đồng (ngày 15-3-2016 âm lịch, nhằm ngày 21-4-2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-6-2017) là 14 tháng 07 ngày, tiền lãi là: $6.500.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 14 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 693.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là $3.326.500 \text{ đồng} + 693.500 \text{ đồng} = 4.020.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền anh R, chị L phải trả cho anh T là: $6.500.000 \text{ đồng nợ gốc} + 4.020.000 \text{ đồng tiền lãi} = 10.520.000 \text{ đồng}$.

[3] Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có sai sót sau đây cần phải sửa: Theo đơn kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017, anh T kiện đòi tiền vay gốc là 7.500.000 đồng vì cho rằng 1.000.000 đồng anh R đã trả ngày 15-3-2016 âm lịch là tiền lãi, do anh R không thừa nhận là trả lãi nên anh T chấp nhận trừ vào nợ gốc, trường hợp này là sửa đổi yêu cầu khởi kiện, không phải rút yêu cầu khởi kiện số tiền 1.000.000 đồng nên không cần phải đình chỉ như bản án sơ thẩm đã ghi.

[4] Yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận nên anh R, chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể là: $10.520.000 \text{ đồng} \times 5\% = 526.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 11/2017/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được sửa chữa, bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Phan Thành T đối với anh Ngô Thanh R về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3.1. Buộc anh Ngô Thanh R và chị Lữ Thị Hồng L liên đới trả cho Anh Phan Thành T số tiền vay gốc 6.500.000 đồng và 4.020.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 10.520.000 (mười triệu năm trăm hai chục nghìn) đồng.

3.2. Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh R, chị L chưa trả đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng anh R và chị L còn phải trả cho anh T

tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Anh Ngô Thanh R và chị Lữ Thị Hồng L phải chịu 526.000 (năm trăm, hai mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai Nguyễn Thị Thúy Phượng

Đặng Thị Đồng